TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-PT
Ngày 15-02-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc

Ông Triệu Quốc Hiếu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long***: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố VL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm: 1993. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số AX, khóm Y, Phường Z, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Số XA, đường XC, Phường X, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm: 1987. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số X, đường LTT, Phường X, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông TMĐ là Luật gia, Hội Luật gia tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2018 của nguyên đơn chị A, cùng lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng như sau:

Về hôn nhân: Chị A và anh B quen biết và tìm hiểu được 01 năm thì tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, chị A và anh B sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh B hay đi nhậu về khuya, khi về thì lớn tiếng chửi mắng vợ con, đập phá đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, có lời nói xúc phạm chị và anh có quen với người phụ nữ khác ở bên ngoài; từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc; chị A xác định chị A và anh B đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay và chị A không còn tình cảm với anh B, nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị A và anh B có 01 con chung tên T, sinh ngày 17/10/2015, hiện nay do chị A đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh B trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh B thống nhất với lời trình bày của chị A về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc cho đến nay, không có mâu thuẫn như chị A đã trình bày; nếu chị A cương quyết ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của chị A, hiện nay con chung do chị A nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh B yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Nếu buộc giao con cho chị A nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố VL đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

Về con chung: Giao cháu T, sinh ngày 17/10/2015 cho chị A nuôi dưỡng và giáo dục, anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 12 năm 2018, bị đơn anh B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung T, sinh ngày 17/10/2015 cho anh B nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa: Anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật gia TMĐ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Anh B kháng cáo yêu cầu nuôi con là có căn cứ vì anh B có nghề nghiệp ổn định. Chị A làm thẩm mỹ, cháu T sống chung sẽ thường xuyên tiếp xúc hóa chất, tóc sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của cháu Tiến và điều kiện kinh tế chị A không bằng anh B, cháu T ngày càng lớn nhu cầu ngày càng cao, nên đề nghị giao cháu T cho anh B nuôi dưỡng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý đến khi giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự tham gia phiên tòa

cũng chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của anh B yêu cầu được nuôi con chung cháu T, sinh ngày 17/10/2015 là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Từ khi anh B, chị A ly thân thì cháu T đều do chị A trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T được chị A chăm sóc, học tập, vui chơi phát triển tốt về mọi mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm anh B thừa nhận chị A nuôi cháu T vẫn phát triển tốt, tuy nhiên anh B cho rằng về điều kiện nuôi con thì anh B hơn chị A nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc chị A không đủ điều kiện chăm sóc con chung. Xét thấy, cháu T còn nhỏ mới hơn 03 tuổi nên giao cho chị A chăm sóc sẽ tốt hơn, bản án sơ thẩm giao cháu T cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh B, anh B phải chịu án phí phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh B; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh B yêu cầu được nuôi con chung HGT; thấy rằng: Chị A và anh B đều có nhu cầu trực tiếp nuôi con chung. Hiện tại cháu T vừa hơn 03 tuổi và đang chung sống cùng chị A, cháu còn nhỏ chưa tự chăm sóc bản thân, rất cần sự chăm sóc của mẹ, chị A làm công việc thẩm mỹ, ở nhà thường xuyên, nên có điều kiện chăm sóc cháu T nhiều hơn, thu nhập hàng tháng ổn định, đủ điều kiện đảm bảo về cuộc sống cho cháu. Đối với anh B làm công việc sửa xe, thu nhập cũng ổn định nhưng công việc của anh B sẽ không có nhiều thời gian chăm sóc cháu T bằng chị A, cháu Tiến đang sống cùng chị A, để đảm bảo ổn định về tâm lý, nên giao cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp sơ thẩm đã xem xét tất cả các điều kiện để cháu T phát triển toàn diện và quyết định giao con chung cho chị A chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh B.

Do anh B không kháng cáo về mức cấp dưỡng nuôi con, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của anh B, anh B phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Không chấp nhận kháng cáo của anh B

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về con chung: Giao cháu T, sinh ngày 17/10/2015 cho chị A nuôi dưỡng và giáo dục, anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung T mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí phúc thẩm: Anh B phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004168 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long, anh B đã nộp đủ.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- CQTHADS TPVL: 01;
- NKC, Đ/S: 03;
- UBND Phường X, Phường Z: 02;
- Lưu Tòa Dân sự: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Duyên